**BÀI 17: ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ**

**PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC THỜI BẮC THUỘC**

***(2 tiết)***

**Hoạt động 1: Đấu tranh bảo tồn văn hóa dân tộc**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP** | **NỘI DUNG LƯU BÀI** |
| HS quan sát Hình 17.1, 17.2. Hình ảnh đó gợi cho em suy nghĩ gì về văn hóa người Việt?  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_8.png**  **-** HS đọc thông tin mục I SHS trang 85 và trả lời câu hỏi: Những chuyển biến nào cho thấy chính sách đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta thất bại?  . | **1. Đấu tranh bảo tồn văn hóa dân tộc**  - Người Việt giữ được phong tục tập quán, sống ở làng quê trong những ngôi nhà giản dị.  - Chính sách đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta thất bại do:  + Người Việt vẫn nghe - nói, truyền lại cho con cháu tiếng mẹ đẻ.  + Những tín ngưỡng truyền thống như thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên tiếp tục được duy trì.  + Phong tục, tập quán Việt vẫn được giữ gìn như tục nhuộm răng, ăn trầu, búi tóc, xăm mình, làm bánh chưng, bánh giầy. |

**Hoạt động 2: Phát triển văn hóa dân tộc**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS biết được thời Bắc thuộc, người Việt vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa chủ động tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc trên một số lĩnh vực: Phật giáo, đạo giáo, chữ Hán, khoa học kĩ thuật.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề; HS lắng nghe, đọc SHS, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** HS làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.

**d. Tổ chức hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP** | **NỘI DUNG LƯU BÀI** |
| **-** HS đọc thông tin mục II SHS trang 86 và trả lời câu hỏi: Nhân dân ta đã làm gì để phát triển văn hóa dân tộc trong hơn ngàn năm Bắc thuộc?  **C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_7.png**+ HS quan sát Hình 17.4 và đọc mục Em có biết SHS trang 86: Việt Nam tiếp thu Phật giáo từ hai con đường: đầu tiên trực tiếp từ Ấn Độ sang và sau này là từ Trung Quốc sang, nhưng vẫn có điểm sáng tạo riêng. Truyền thuyết chùa Dâu giải thích tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt. Tứ Pháp gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện, nghĩa là 4 vị thần: mây, mưa, sấm, chớp. Đó là những vị thần bảo vệ mùa màng và phù hộ cho nông dân. | **2. Phát triển văn hóa dân tộc**  - Cư dân Việt tiếp thu có chọn lọc, sáng tạo các giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển văn hoá dân tộc:  ***+ Hoà quyện Phật giáo và Đạo giáo vào văn hoá dân gian***  ***+ Chủ động tiếp thu chữ Hán, nhưng dùng âm Việt đọc chữ Hán***  ***+ Họ tiếp thu các kỹ thuật mới của Trung Quốc, tạo ra nhiều sản phẩm phong phú.*** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**-** *HS trả lời câu hỏi 2 phần Luyện tập SHS trang 87:* Những phong tục, tập quán nào được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:* Những phong tục, tập quán được người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn lưu giữ trong đời sống văn hoá hằng ngày của chúng ta ngày nay: thờ cúng tổ tiên, nhuộm răng, ăn trầu, ăn mắm, làm bánh chưng bánh giày.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**-** *HS trả lời câu hỏi 3 phần Vận dụng SHS trang 87:* Theo em, tiếng nói có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc? Em có suy nghĩ gì về hiện tượng nhiều học sinh “pha” tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

+ Tiếng nói, chữ viết tiếng Việt có nguồn gốc bản địa, được cha ông ta sáng tạo, gìn giữ, cải tiến trong hành trình tạo dựng cuộc sống, phát triển cộng đồng xã hội. Trải qua các triều đại lịch sử, qua những giai đoạn phát triển, tiếng Việt đã trở thành hồn cốt của dân tộc, có sức sống lâu bền trong tâm hồn, lối sống, tư duy của con người Việt Nam.

+ Không đồng tình với hiện tượng các bạn trẻ lạm dụng việc sử dụng tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp. Tuy việc sử dụng tiếng lóng cũng có tác dụng nhất định đối với giới trẻ như: khả năng truyền đạt thông tin nhanh, tiết kiệm thời gian (chủ yếu dùng ký hiệu, viết tắt), có những yếu tố sáng tạo…làm cho hoạt động giao tiếp cũng phong phú hơn nhưng việc lạm dụng sử dụng quá đà sẽ đánh mất đi bản sắc dân tộc, mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

*.........................................................................................................................*

PHẦN ĐỊA LÍ: **TÊN BÀI DẠY: BÀI 13. THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU**

**VÀ CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 2.1: Nhiệt độ không khí**  **a. Mục đích:** dụng cụ đo nhiệt độ không khí, sự thay đổi nhiệt độ không khí trên TĐ  **b. Nội dung:** Nhiệt độ không khí  **c. Sản phẩm:** bài thuyết trình và sản phẩm của HS  **d. Cách thực hiện.**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động học tập** | **Nội dung lưu bài** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Quan sát hình 13.1, 13.2**    và thông tin trong bài, em hãy:  - Cho biết nhiệt kế hình 13.2 chì bao nhiêu độ?  - Thế nào là nhiệt độ không khí? Vì sao không khí có nhiệt độ? | **I/ Nhiệt độ không khí**  - Mặt Trời là nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất. Độ nóng hay lạnh của không khí gọi là nhiệt độ không khí.  - Dụng cụ đo nhiệt độ không khí là nhiệt kế. .  - Cách tính nhiệt độ không khí trung bình ngày là: được tính bằng trung bình cộng của những lần đo trong ngày. | |
| **Hoạt động 2.1: Sự thay đồi nhiệt độ không khí trên bể mặt Trái Đất theo vĩ độ**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động học tập** | **Nội dung lưu bài** | | Dựa vào bảng 13.1 và thông tin trong bài, em hãy:  -So sảnh nhiệt độ trung bình năm của một sổ địa điểm trên thế giới.  - Rút ra sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trải Đất theo vĩ độ. | **II/ Sự thay đồi nhiệt độ không khí trên bể mặt Trái Đất theo vĩ độ.**  - Không khi ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khi ở các vùng vĩ độ cao.  - Ở các vùng vĩ độ thấp quanh năm có góc chiếu của tia sáng mặt trời với mặt đất lớn nên nhận được nhiều nhiệt, không khí trên mặt đất nóng.  - Càng lên gần cực, góc chiếu của tia sáng mặt trời càng nhỏ, mặt đất nhận được ít nhiệt hơn, không khí trên mặt đất cũng ít nóng hơn. | |
| **Hoạt động 2.3: Độ ẩm không khí, Mây và mưa**     |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động học tập** | **Nội dung lưu bài** | | **a/ Quá trình hình thành mây và mưa**  1/ Cho biết giá trị độ ẩm không khí hiển thị trên hình 4. Còn bao nhiêu % nữa thì độ ẩm không khí sẽ đạt mức bão hoà?  2/ Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 5, em hãy mô tả quá trình hình thành mây và mưa. Gợi ý:  - Hơi nước trong không khí được cung cấp từ những nguồn nào?  - Khi nào hơi nước ngưng tụ thành mây?  - Khi nào mây tạo thành mưa?  **b) Sự phân bố lượng mưa trung bình năm**  Hãy xác định trên bản đồ hình 6:  - Những vùng có lượng mưa trung bình năm trên 2 000 mm.  - Những vùng có lượng mưa trung bình năm dưới 200 mm  HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **III/ Độ ẩm không khí, Mây và mưa**  **a/ Quá trình hình thành mây và mưa**  - Trong không khí có hơi nước  - Hơi nước trong không khí tạo ra độ ẩm của không khí.  - Dụng cụ để đo độ ẩm của KHÔNG KHÍ gọi là ẩm kế .  - Nhiệt độ không khí càng cao thì khả năng chứa hơi nước của không khí càng lớn.  - Lượng hơi nước trong KHÔNG KHÍ đã bão hoà hoặc hơi nước bốc lên cao hoặc hơi nước tiếp xúc vơi khối không khí lạnh sẽ ngưng tụ  a. Khái niệm: Hơi nước bốc lên cao gặp lạnh ngưng tụ thành các hạt nước (mây), gặp điều kiện thuận lơi hạt nước to dần và rơi xuống, gọi là mưa .  - Dụng cụ đo mưa là vũ kế .  - Lượng mưa trung bình năm của một địa phương là lượng mưa của nhiều năm cộng lại và chia cho số năm | |
| **Hoạt động 2.4: thời tiết và khí hậu**     |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hoạt động học tập** | | **Nội dung lưu bài** | | : HS đọc thông tin SGK và cho biết   * Khái niệm thời tiết, khí hậu.   Dựa vào bản tin dự báo thời tiết ở trên, em hãy:  - Nêu những yếu tố được sử dụng để biểu hiện thời tiết.  - Mô tả đặc điểm thời tiết của từng ngày trong bảng.  - Hãy cho biết, trong tình huống ở đầu bài, bạn nào là người nói đúng  HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe | | **IV/ thời tiết và khí hậu**  - Thời tiết là trạng thái của khí quyển tại một thời điềm và khu vực cụ thề được xác định bẳng nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và gió. Thời tiết luôn thay đổi  - Khí hậu ờ một nơi là tồng hợp các yếu tố thời tiết (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió,...) của nơi đó, trong một thời gian dài và đã trở thành quy luật | |  | | | |
| **Hoạt động 2.5: Các đới khí hậu trên Trái Đất**     |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động học tập** | **Nội dung lưu bài** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV   1. Xác định trên hình 13.4      1. phạm vi của năm đới khí hậu trên Trái Đất.   HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ | **V/ Các đới khí hậu trên Trái Đất**  (Bảng chuẩn kiến thức)  2. Hãy lựa chọn và trình bày khái quát đặc điểm của một đới khí hậu.   |  |  | | --- | --- | | Tên đới khí hậu | Phạm vi và Đặc điểm | |  |  | |  |  | |  |  | | |
| **Bảng chuẩn kiến thức.**   |  |  | | --- | --- | | **Tên đới khí hậu** | **Phạm vi và Đặc điểm** | | Đới nóng | quanh năm nóng, nhiệt độ trung bình năm không thấp hơn 20°C, Gió thổi thường xuyên là gió Mậu dịch. | | 2 đới ôn hoà | có nhiệt độ không khi trung bình năm dưới 20°C, tháng nóng nhát không thấp hơn 10°C; Gió thổi thường xuyên là gió Tây ôn đới | | 2 đới lạnh | là khu vực có băng tuyết hầu như quanh năm, nhiệt độ trung bình của tất cả các tháng trong năm đều dưới 10°C.; Gió thổi thường xuyên là gió Đông cực | |